

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - LÀO CAI**
Bản án số: 36/2026/HSST

Ngày 22/6/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Huân và bà Lưu Thị Ngân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Xô - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2026/TLST- HS, ngày 22 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST- HS ngày 11/6/2026 đối với các bị cáo.

1. Lương Thị T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 20/4/1969, tại xã C, tỉnh N; số CCCD: 03616900xxxx cấp ngày 25/4/2021; nơi cấp Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an.; Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lương Văn S (đã chết) và bà Đỗ Thị T (đã chết); Chồng Nguyễn Xuân H, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ dân phố T, xã Cổ Lễ, tỉnh N; Con: Bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 1989 nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại: Tổ dân phố S, phường S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Thuỳ L, sinh năm 1996; trú tại: Thôn S, xã T, tỉnh Lào Cai; số CCCD: 03619601xxxx cấp ngày 29/9/2022; nơi cấp Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an. Vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Ngày 26/08/2021, Lương Thị T cho Trần Thị Thuỳ L vay số tiền

250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng với mức lãi suất là 875.000 đ/1 ngày. (Tức $3.500\text{đ}/1.000.000\text{đ}/01 \text{ ngày}$) = 127, 8%/năm và có viết giấy vay tiền. Sau đó, T chuyển số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng cho L bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam số 376009xxxx của T đến tài khoản số 061012345xxxx của L, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội. Đến ngày 18/9/2021, L đã trả lãi cho T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tiền lãi. Từ ngày 19/9/2021 trở đi, L không có tiền để trả lãi cho Thủy, nên bị Thủy thúc giục trả lãi nhiều lần. Đến đầu tháng 10/2021, L cùng chồng là Lê Văn Hường nói cho ông Lê Văn Đ (là bố đẻ của H) về việc nợ tiền và nhờ ông Đ trả tiền cho T, ông Đ đồng ý, L và H hẹn Lương Thị T đến nhà ông Lê Văn Đ để nói chuyện. Quá trình nói chuyện, ông Lê Văn Đ và Lương Thị T thống nhất việc ông Đ sẽ chuyển nhượng thửa đất của mình, diện tích là 240m² tại xã T, tỉnh Lào Cai cho T với giá 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu) đồng, để trả nợ cho Trần Thị Thùy L số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trong đó bao gồm 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền lãi, tính từ ngày 19/9/2021 đến ngày 13/11/2021 và số tiền Lê Văn H nợ T là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) từ năm 2020, nhưng chưa trả cho T. Ngày 13/11/2021, ông Đ đã viết giấy bán đất cho Lương Thị T. Thời điểm T nhận chuyển nhượng thửa đất từ ông Đ là thời điểm L thanh toán, trả nợ cho T toàn bộ tiền vay và tiền lãi ngày nợ T, trong đó số tiền lãi từ ngày vay tiền 26/8/2021 đến ngày 13/11/2021 là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) trong đó tiền lãi đúng quy định pháp luật là 10.958.904 đồng (mười triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm L bốn đồng). Số tiền Lương Thị T cho Trần Thị Thùy L vay là tiền của cá nhân Lương Thị T. Việc thu tiền lãi do Lương Thị T thực hiện, không ai biết và cùng tham gia. Đối với khoản tiền anh Lê Văn H vay của bị can Lương Thị T vào đầu năm 2020, với số tiền 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), lãi xuất thỏa thuận của khoản vay là 10%/năm. Xác định đây là giao dịch dân sự, không trái quy định của pháp luật.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Lương Thị T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A25 5G, số IMEI 1: 35061625209xxxx; số IMEI 2: 35096028209xxxx, bên trong lắp sim số 0987.493.xxx đã qua sử dụng. Ra Lệnh số C262, ngày 12/3/2026, tiến hành phong tỏa tài khoản số 3760094677 của bị can Lương Thị T mở tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & phát triển Việt Nam, bên trong có số tiền 57.827 đ (năm mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

Cáo trạng số 15/CT- VKSLCI-KV ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, truy tố bị cáo Lương Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Lương Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị T từ 50.000.000 đồng đến 60. 000.000 đồng, nộp ngân sách nhà nước.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A25 5G, số IMEI 1: 35061625209xxxx; số IMEI 2: 35096028209xxxx, bên trong lắp sim số 0987.493.xxx đã qua sử dụng của Lương Thị T, nộp ngân sách nhà nước. Truy thu để tịch thu số tiền 250.000.000 đồng bị cáo cho vay lãi nặng và số tiền lãi đã thu là 10.958.904 đồng, nộp ngân sách nhà nước. Hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số C262, ngày 12/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai. Tiếp tục tạm giữ số tiền 57.827 đ (*năm mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng*) trong tài khoản số 376009xxxx của bị can Lương Thị T mở tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & phát triển Việt Nam, để đảm bảo thi hành án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thùy L đã được bị cáo hoàn trả tiền, không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Tuyên án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, đã truy tố và đúng với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ căn cứ kết luận, bị cáo Lương Thị T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi

cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên trong khoảng thời gian từ ngày 26/8/2021 đến ngày 13/11/2021, bị cáo Lương Thị T đã cho chị Trần Thị Thùy L vay số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) với mức lãi suất 127,8%/năm, (gấp 6,39 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định). Tiền lãi thu được là 70.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi đúng quy định của pháp luật là 10.958.904 đồng (*mười triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm L bốn đồng*), số tiền lãi thu bất chính là 59.041.096 đồng (*năm mươi chín triệu không trăm, bốn mươi một nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng*). đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Nên cần đưa vụ án ra xét xử công khai và áp dụng mức hình phạt phù hợp nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét thấy bị cáo T phạm tội số tiền thu lời bất chính không lớn và trong quá trình điều tra, xác minh bị cáo là người có tài sản để đảm bảo thi hành án. Nên cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng. Được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghề nghiệp tự do và đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A25 5G, số IMEI 1: 35061625209xxxx; số IMEI 2: 35096028209xxxx, bên trong lắp sim số 0987.493.xxx bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền 250.000.000 đồng bị cáo T cho chị Trần Thị Thùy L vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội, số tiền 10.958.904 đồng tiền lãi chị L đã trả cho bị cáo T là tiền do phạm tội mà có, bị cáo đã sử dụng cá nhân hết. Nên truy thu để tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền 57.827 đồng trong tài khoản số 376009xxxx mở tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & phát triển Việt Nam, là tài sản hợp pháp của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Bị cáo phải thi hành tiền phạt và tiền án phí, nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thùy L số tiền thu lợi bất chính là 59.041.096đ (*năm mươi chín triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu*

đồng). Chị L không yêu cầu giải quyết về dân sự. Nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Bị cáo Lương Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Thị T 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A25 5G, số IMEI 1: 35061625209xxxx; số IMEI 2: 35096028209xxxx, bên trong lắp sim số 0987.493.xxx đã sử dụng của bị cáo Lương Thị T để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu số tiền 260.958.904 đ (*hai trăm sáu mươi triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm L bốn đồng*) của bị cáo Lương Thị T. Trong đó số tiền 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) là tiền bị cáo cho vay lãi nặng và số tiền 10.958.904đ (*mười triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm L bốn đồng*) là tài sản do phạm tội mà có, để tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Huỷ Lệnh số C262, ngày 12/3/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai; về việc phong tỏa tài khoản số 376009xxxx của bị cáo Lương Thị T mở tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & phát triển Việt Nam. Tạm giữ số tiền 57.827 đ (*năm mươi bảy nghìn, tám trăm, hai mươi bảy đồng*) trong tài khoản số 3760094677 mở tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & phát triển Việt Nam của bị cáo Lương Thị T, để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Lương Thị T phải chịu 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 7- Lào Cai;
- Bị cáo Th;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh LC (PV06);
- Phòng THADS khu vực 7- Lào Cai;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lào Cai;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lào Cai;
- Lưu HS- VP - THS-THAHS (6);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Đức Quang

